

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 173/2019/HC-PT

Ngày 12 tháng 4 năm 2019

V/v “*Khiếu kiện quyết định phê duyệt
kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà
nước thu hồi đất; quyết định giải
quyết khiếu nại*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thành**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Văn Công**

Ông **Võ Văn Khoa**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Đỗ Hồng Quân**, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh,

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:* Ông **Phạm Công Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số
502/2018/TLPT-HC ngày 21 tháng 9 năm 2018 về việc “*Khiếu kiện quyết định
phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất; quyết định giải
quyết khiếu nại*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 20/2018/HCST ngày
26/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2019/QĐPT-HC ngày 21
tháng 9 năm 2018 giữa:

Người khởi kiện: Ông Hồ Xuân T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1253 đường 30/4, Phường 12, thành phố V T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người bị kiện:

1/ Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Ông Nguyễn Văn Trình (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 01 Ph V Đ, phường Ph Tr, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Văn Mạnh - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V T

- Ông Nguyễn L (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 89 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố V T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

3/ Ủy ban nhân dân thành phố V T

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn L, Chủ tịch UBND TP.Vũng Tàu (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 89 L T K, Phường 1, thành phố V T, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 03-8-2012, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V T ban hành Thông báo số 251/UBND-PTQĐ về việc thu hồi đất thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp đường 30/4 đoạn từ Ngã ba Chí Linh đến Eo Ông Từ, thành phố V T.

Ngày 06-9-2012, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V T tiến hành kiểm kê tại phần đất của ông Hồ Xuân T đang sử dụng:

- Diện tích đất bị thu hồi là $9,9m^2$ (thửa số 16, tờ bản đồ thu hồi đất).
- Nhà và vật kiến trúc bị giải tỏa, gồm: Nhà cấp 4A1 (3,7 x 3,5)m; Sân bê tông (3,7 x 1,8)m nằm trên vỉa hè; Mái che di động 1 cái; Bảng hiệu [(3,9 x 1,8) + (0,5 x 1,9) + (0,4 x 0,8) + (0,3 x 0,5) + (3,9 x 0,5) + [(0,5 x 2,1) x 2] + [0,3 x 0,5) x 2]m.

Ngày 31-7-2015, UBND thành phố V T ban hành Quyết định số 3453/QĐ-UBND về việc thu hồi $9,9m^2$ đất tại Phường 12, thành phố V T do ông Hồ Xuân T đang sử dụng.

Cùng ngày 31-7-2015, Chủ tịch UBND thành phố V T ban hành Quyết định số 3526/QĐ-UBND (Quyết định 3526) về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Hồ Xuân T, có nội dung:

- Diện tích thu hồi đất: $9,90m^2$, không bồi thường, hỗ trợ do nằm ngoài diện tích được Nhà nước bán hóa giá, nằm ngoài giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở, không được Phường công nhận theo khoản 4, Điều 82 Luật đất đai 2013;

- Nhà Cấp 4A1 (3,7 x 3,5m) và vật kiến trúc: Không bồi thường, hỗ trợ do xây dựng trên phần đất không được hỗ trợ.

Không đồng ý với Quyết định 3526, ông Tường khiếu nại.

Ngày 19-8-2016, Chủ tịch UBND thành phố V T ban hành Quyết định số 3218/QĐ-UBND (Quyết định số 3218) về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Hồ Xuân T, có nội dung: bác đơn khiếu nại của ông Tường, giữ nguyên Quyết định 3526.

Không đồng ý, ông Tường tiếp tục khiếu nại.

Ngày 30-12-2016, Thanh tra tỉnh có Báo cáo số 606/BC-TTr.NV3 về kết quả xác minh khiếu nại của ông Tường theo hướng kiến nghị bác nội dung khiếu nại của ông Tường.

Ngày 25-4-2017, Thanh tra tỉnh tiếp tục có buổi đối thoại với ông Tường, tại buổi đối thoại ông Tường cung cấp một số hồ sơ mới làm thay đổi bản chất sự việc (Quyết định 3651/QĐ-UBT ngày 01-10-1997 và bảng tính giá bán sở hữu nhà Nhà nước của Hội đồng bán nhà ở thuộc UBND Tỉnh với diện tích 33,58m²).

Do vậy cuộc họp có ý kiến: “Căn nhà (3,7 x 3,5) m của ông Tường yêu cầu bồi thường nằm trong giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở số 7201110132 cấp ngày 15-12-1997 thể hiện có diện tích nhà (3,7 x 3,5) m² và có đóng tiền cho nhà nước tại Quyết định 2651/QĐ-UBT ngày 01-10-1997 theo bảng tính giá bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước ngày 22-7-1997 của Hội đồng bán nhà ở thuộc UBND Tỉnh với diện tích 33,58m², cuộc họp thống nhất kiến nghị UBND Tỉnh chỉ đạo UBND thành phố V T bồi thường bổ sung cho hộ ông Tường nhà ở theo quy định.

Tuy nhiên, ngày 15-11-2017, UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 3341/QĐ-UBND, theo đó bác đơn khiếu nại lần 2 của ông Tường, giữ nguyên Quyết định số 3218/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Hồ Xuân T.

Ngày 14-12-2017, ông Hồ Xuân T có đơn khởi kiện đối với Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 31-7-2015 của UBND thành phố V T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Hồ Xuân T; Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 19-8-2016 của Chủ tịch UBND thành phố V T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Hồ Xuân T; Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 15-11-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hồ Xuân T (lần 2). Buộc UBND thành phố V T bồi thường nhà cấp 4A1 (3,7m x 3,5m) và phần kiến trúc liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

Người khởi kiện trình bày:

Ngày 01-10-1997, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 2561/QĐ-UBT về việc phê duyệt bán nhà thuộc sở hữu nhà nước đối với nhà đất, theo đó UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bán hóa giá nhà cho ông Nguyễn Văn Hùng đối với nhà đất có diện tích: nhà ở diện tích sử dụng $33,58\text{m}^2$; đất ở diện tích $32,86\text{m}^2$ tọa lạc tại số 1253 đường 30/4, Phường 12 (số cũ là 55/4 Phước Thiện, Quốc lộ 51A, Phường 11) thành phố V T.

Ngày 17-11-1995, đại diện các Sở, ban, ngành có tiến hành đo đạc nhà đất hóa giá và lập biên bản, theo đó thể hiện “về đất: Chiều ngang mặt tiền 4m; mặt sau 4m; chiều dài 8,8m và 8,4m, diện tích $65,2\text{m}^2$, hình thức sử dụng riêng $65,2\text{m}^2$; về nhà: Nhà thuộc diện cấp 4B khung cột gạch vách gạch mái tôn kẽm nền láng xi măng, kích thước nhà chính chiều ngang 3,7m; chiều dài 9,4m; diện tích xây dựng là $34,78\text{m}^2$; diện tích sử dụng là $33,58\text{m}^2$ ”.

Ngày 15-7-1997, ông Nguyễn Văn Hùng và bà Bùi Thị Nga được UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp Giấy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số 1054/1997 đối với nhà ở diện tích sử dụng $33,58\text{m}^2$; đất ở: diện tích $32,86\text{m}^2$ thuộc thửa số 1052 tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại số 1253 đường 30/4, Phường 12 (số cũ là 55/4 Phước Thiện) Quốc lộ 51A, Phường 11, thành phố V T.

Ngày 22-7-1997, Hội đồng bán nhà ở UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có Bản tính giá bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, thể hiện “Hiện trạng nhà ở: nhà cấp 4B loại nhà phố liên kết tường chung, nhà cấp 4B chất lượng còn 50% tường gạch mái tôn kẽm; diện tích sử dụng $33,58\text{m}^2$, diện tích đất ở $32,86\text{m}^2$, giá bán nhà ở $33,58\text{m}^2 \times 400.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1,2 \times 5\% = 8.059.200 \text{ đồng}$; Giá đất ở $32,86\text{m}^2 \times 1.200.000 \text{ đồng/m}^2 \times 40\% = 15.772.800 \text{ đồng}$. Ông Hùng đã nộp đủ số tiền hóa giá nhà đất.

Ngày 15-11-2000, ông Hùng và Nga chuyển nhượng lại cho ông Dương Tấn Đạt, bà Trần Phương Viên toàn bộ nhà, đất trên. Ngày 02-01-2004, ông Đạt, bà Viên chuyển nhượng lại toàn bộ cho ông Hồ Xuân T, đã được UBND thành phố V T xác nhận. Cho đến thời điểm ông Tường mua nhà, đất này thì nhà, đất vẫn giữ nguyên hiện trạng như khi hóa giá.

Quyết định 3526/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho ông Hồ Xuân T, theo đó phân c khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 3526/QĐ- UBND có nội dung:

C/ Bồi thường nhà, vật kiến trúc: Không bồi thường, hỗ trợ do xây dựng trên phần đất không được bồi thường”, với lý do xây dựng trên phần đất không được bồi thường là không có cơ sở, bởi những lý do sau:

Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201110132 thì cấu trúc nhà hóa giá là nhà cấp 4, tường chung, nền láng xi măng. Còn phần nhà phía sau nằm trên phần đất được hóa giá chỉ là phần tự coi nói thêm có cấu trúc tường riêng từ trước đến nay.

Chiều dài phần coi nói phía sau nằm trên diện tích đất được hóa giá theo bản vẽ là $2,4\text{m} + 5,4\text{m} = 7,8\text{m}$ chứ không phải $8,8\text{m}$ (số liệu $8,8\text{m}$ là chỉ giới đất hóa giá).

Theo sơ đồ kèm theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201110132 thì chỉ: “vị trí số nhà” chứ không chỉ vị trí nhà hóa giá.

Về diện tích nhà hóa giá là $9,4\text{m} \times 3,7\text{m} = 34,78\text{m}^2$ là phù hợp với Giấy CNQSD đất đã cấp (đã trừ tường chung) diện tích xây dựng là $34,47\text{m}^2$, còn diện tích phần coi nói phía sau là $7,8\text{m}$.

Biên bản đo đạc nhà đất ngày 17-11-1995 thể hiện về nhà có kích thước: Nhà chính chiều ngang $3,7\text{m}$ x chiều dài $9,4\text{m}$; diện tích xây dựng là $34,78\text{m}^2$; diện tích sử dụng là $33,58\text{m}^2$ - diện tích đất này phù hợp với sơ đồ kèm theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201110132 đã cấp cho ông Hùng, bà Nga.

Diện tích đất được hóa giá là $32,86\text{m}^2$ trong khi diện tích nhà được cấp là $34,47\text{m}^2$ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu đã cấp. Do vậy việc UBND thành phố V T cho rằng căn nhà nằm trên diện tích được hóa giá là không phù hợp vì diện tích căn nhà lớn hơn diện tích đất.

Vì vậy ông Tường khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy phần c khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 31/7/2015 của UBND thành phố Vũng Tàu về nội dung “không bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc cho hộ (bà) Hồ Xuân T với lý do: xây dựng trên phần đất không được bồi thường”; hủy các quyết định giải quyết khiếu nại là Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 và Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 15/11/2017. Buộc UBND thành phố Vũng-Tàu bồi thường nhà cấp 4A1 ($3,7\text{m} \times 3,5\text{m}$) và phần kiến trúc liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, UBND thành phố Vũng Tàu, Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu và UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trình bày:

Ngày 31-7-2015, UBND thành phố V T ban hành Quyết định số 3453/QĐ-UBND về việc thu hồi $9,9\text{m}^2$ đất tại Phường 12, thành phố V T do ông Hồ Xuân T đang sử dụng.

Cùng ngày 31-7-2015, Chủ tịch UBND thành phố V T ban hành Quyết định số 3526/QĐ-UBND (Quyết định 3526) về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho ông Hồ Xuân T, theo đó:

Diện tích thu hồi đất: 9,90m², không bồi thường, hỗ trợ do nằm ngoài diện tích được Nhà nước bán hóa giá, nằm ngoài giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở, không được phường công nhận theo khoản 4, Điều 82 Luật đất đai 2013;

Nhà Cấp 4A1 (3,7 x 3,5m) và vật kiến trúc: Không bồi thường, hỗ trợ do xây dựng trên phần đất không được hỗ trợ.

Không đồng ý về nội dung không bồi thường, hỗ trợ nhà cấp 4A1 (3,7 x 3,5m) và vật kiến trúc do xây dựng trên phần đất không được hỗ trợ, nên ông Tường khiếu nại.

Căn cứ Báo cáo số 261/BC-TTr ngày 16-5-2016 của Thanh tra thành phố Vũng Tàu. Ngày 19-8-2016, UBND thành phố V T có Quyết định 3218/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Tường, theo đó bác khiếu nại của ông Tường.

Không đồng ý ông Tường tiếp tục khiếu nại. Ngày 30-12-2016, Thanh tra tỉnh có báo cáo số 606/BC-TTr.NV3 về kết quả xác minh khiếu nại của ông Tường theo hướng kiến nghị bác nội dung khiếu nại của ông Tường.

Trên cơ sở đó, ngày 15-11-2017 UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 3341/QĐ-UBND tiếp tục bác đơn khiếu nại lần 2 của ông Tường với lý do “xây dựng trên phần đất lộ giới giao thông do Nhà nước quản lý, nên không đủ điều kiện được bồi thường”.

Như vậy, các quyết định nêu trên được ban hành đúng trình tự, thủ tục và nội dung không bồi thường, hỗ trợ nhà cấp 4A1 (3,7 x 3,5m) và vật kiến trúc do xây dựng trên phần đất không được hỗ trợ, là có căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai 2013. Đề nghị Tòa bác yêu cầu của người khởi kiện, giữ nguyên các Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 31-7-2015 của UBND thành phố Vũng Tàu; Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 19-8-2016 của Chủ tịch UBND thành phố V T và Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 15-11-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 20/2018/HCST ngày 26/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Xuân T.

Hủy phần c khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 31-7-2015 của UBND thành Vũng Tàu về nội dung “không bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc cho hộ ông (bà) Hồ Xuân T;

Hủy Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 19-8-2016 của Chủ tịch UBND thành phố V T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Hồ Xuân T;

Hủy Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 15-11-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Hồ Xuân T;

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V T thực hiện việc bồi thường căn nhà cấp 4A1 (3,7m X 3,5m) và phần kiến trúc liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/8/2018 người bị kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do phần diện tích 9,9 m² bị thu hồi thuộc lộ giới đường 30/4, không thuộc phạm vi hóa giá nhà, không nằm trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã cấp năm 1997. Hơn nữa, sau khi thu hồi thì diện tích còn lại là 32,86 m² đất và 33,58 m² nhà như giấy chứng nhận đã được cấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần 2, người khởi kiện và người bị kiện đều vắng mặt, trong đó người bị kiện có kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử thông với đề nghị đại diện của Viện kiểm sát xét xử vắng mặt người kháng cáo theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

Trong phần tranh luận, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có kháng cáo trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện ông Hồ Xuân T và giữ nguyên các quyết định hành chính về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Hồ Xuân T và các quyết định giải quyết khiếu nại liên quan vì chỉ bán hóa giá phần nhà đất phía sau, có diện tích 8,8 m x 3,9 m = 33,58 m², còn lại 31,5m² nằm trong quy hoạch lộ giới không bán hóa giá, trong đó có 9,9 m² đất bị thu hồi, nên không được bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về tố tụng, Hội đồng xét xử và các bên đương sự đã tuân thủ theo các quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung, qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ thì phần diện tích bị thu hồi 9,9 m² đất là một phần trong 33,58m² đất tiếp giáp với đường 30/4, nằm trong giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hồ Xuân T nên thuộc trường hợp phải bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1/ Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền:

Thực hiện dự án nâng cấp đường 30/4 đoạn từ Ngã ba Chí Linh đến Eo ông Từ, tại Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 31/7/2015, UBND thành phố V T đã thu hồi 9,9 m² đất, loại đất ở đô thị, thửa số 16, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại Phường 12, thành phố V T, do ông Hồ Văn Tường đang sử dụng.

Tại Quyết định số 3526/ QĐ-UBND ngày 31/7/2015 về phê duyệt kinh phí bồi thường thì diện tích 9,9 m² đất đã thu hồi “không bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc cho hộ ông (bà) Hồ Xuân T với lý do: do nằm ngoài diện tích được Nhà nước bán hóa giá, nằm ngoài giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở, không được Phường công nhận theo khoản 4, điều 82 Luật đất đai 2013;

Không đồng ý, ông Tường khiếu nại. Tại Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 19-8-2016 của Chủ tịch UBND thành phố V T, có nội dung không chấp nhận khiếu nại.

Ông Tường tiếp tục khiếu nại.

Tại Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 15-11-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, không chấp nhận khiếu nại của ông Tường, giữ nguyên Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 19-8-2016.

Việc thu hồi đất, bồi thường thiệt hại do thu hồi đất, và giải quyết khiếu nại của ông Tường là đúng trình tự, thủ tục theo quy định Luật Đất đai 2013 và Luật khiếu nại 2011. Các quyết định hành chính nêu trên đều là đối tượng khởi kiện theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

2/ Về nội dung của Quyết định hành chính:

UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xác định đất 9,9 m² đất nằm ngoài diện tích được nhà nước hóa giá nên không thuộc trường hợp được bồi thường theo quy định tại Điều 92 Luật đất đai năm 2013.

Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Nhà đất của ông Tường đang sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ nhà thuộc sở hữu nhà nước của ông Nguyễn Văn Hùng được hóa giá từ năm 1997 và được cấp quyền sở hữu nhà năm 1997. Căn nhà được hóa giá diện tích 33,58 m², loại nhà phố liên kết, tường chung.

Đến năm 2003 ông Hùng chuyển nhượng toàn bộ nhà và đất cho ông Dương Tấn Đạt và năm 2004 ông Đạt đã chuyển nhượng lại cho ông Tường.

Phần diện tích bị thu hồi 9,9 m² đất có vị trí nằm tại phần đất có diện tích 3,7m x 9,4m phía giáp mặt tiền đường 30/4 theo biên bản kiểm kê ngày 6/9/2012 của Trung tâm phát triển quỹ đất Vũng Tàu (BL.42)

Theo Biên bản đo đạc nhà đất ngày 11/7/1995 do Sở xây dựng thực hiện và bản vẽ bán nhà thuộc sở hữu nhà nước (BL.29,30) thì phần nhà được bán hóa giá tiếp giáp với lề đường quốc lộ 51A nay là đường 30/4, có diện tích 3,7 m x 9,4 m.

Tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 15/12/1997 có sơ đồ vị trí nhà bao gồm diện tích đã hóa giá (3,7m x 9,4 m) và diện tích làm thêm phía sau (8,4 m x 4m).

Tại kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06-4-2018 của Tòa án dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (BL.78) thì diện tích đất thu hồi (3,7 m x 3,5m) tiếp giáp vỉa hè đường 30/4, là một phần diện tích được hóa giá (3,7 m x 9,4 m) nên đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Xuân T, hủy một phần quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ và hủy các quyết định giải quyết khiếu nại liên quan, là có cơ sở.

Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Xuân T.

Hủy phần c khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 31-7-2015 của UBND thành Vũng Tàu về nội dung “ không bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc cho hộ ông (bà) Hồ Xuân T;

Hủy Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 19-8-2016 của Chủ tịch UBND thành phố V T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Hồ Xuân T;

Hủy Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 15-11-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Hồ Xuân T;

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V T thực hiện việc bồi thường căn nhà cấp 4A1 (3,7m X 3,5m) và phần kiến trúc liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004013 ngày 09/8/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Đương sự (4)
- Lưu VP (3), HS (2), (15b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Thành